TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2023/HS-ST
Ngày: 23/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Minh Thân;

- Ông Nguyễn Tiến Chuyển;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2023/HSST ngày 04/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-HS ngày 08/5/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Kim T; Sinh năm: 1983; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Khu 12, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lưu Hồng Vân; Con bà: Vũ Thị Hồng; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Nga; Bị cáo có 02 con *(Con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018);* Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm: 1957; Nơi đăng ký HKTT: Số 21, tổ 9, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội*;* Địa chỉ nơi ở: Phòng 1014/CT5-Đơn Nguyên 1, phố T, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

(Bị cáo và Bị hại có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào đầu năm 2022, qua các mối quan hệ xã hội, Lưu Kim T quen biết bà Nguyễn Thị L *(Sinh năm: 1957; HKTT: Số 21, tổ 9, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội)*. Biết bà L có nhu cầu mua đất nên Lưu Kim T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà L thông qua việc nhận tiền làm chi phí giúp bà L mua đất đấu giá thành công. T tự nhận là cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy, địa chỉ tại số 99, Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội *(thực tế T chỉ làm nghề môi giới bất động sản)* và giới thiệu cho bà L 02 thửa đất số 32 và 33, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 300 m^2 thuộc phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội mà Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy đang phát mại để bán đấu giá. Để tạo sự tin tưởng, T dẫn bà L đi xem đất trực tiếp. Sau khi xem đất, T cùng bà L đến Ngân hàng Agribank để xác thực thông tin rồi bà L đồng ý tham gia đấu giá để mua lại 2 thửa đất trên. Do bà L đang có nợ xấu Ngân hàng nên nhờ chị Nguyễn Thị Hoàn *(Sinh năm: 1985; HKTT: Thôn Cầu, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội)* đứng tên tham gia đấu giá hộ và có nhờ T làm các thủ tục để tham gia đấu giá đất.

Ngày 23/02/2022, T đến nhà bà L ở địa chỉ phòng 1014/CT5-Đơn Nguyên 1, Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để trao đổi công việc. T bảo bà L đưa cho T 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng)* để thẩm định giá đất và 100.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)* để "bôi trơn" các cơ quan chức năng và hứa hẹn sẽ giúp bà L đấu giá được 2 thửa đất trên, bà L đồng ý. Sau đó, bà L đưa trước cho T 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng)* tiền mặt để thẩm định giá đất. Tuy nhiên, T không thực hiện công việc này.

Ngày 24/02/2022, T gọi cho anh Vũ Viết T *(Sinh năm: 1987; HKTT: Tổ 20, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội)*, là Phó Giám đốc Công ty Đấu giá Hợp danh đấu giá Việt Nam, tự xưng là cán bộ Ngân hàng Agribank và bảo chuẩn bị cho T 02 bộ hồ sơ rồi cầm sang tầng 3 Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy đợi để T đăng ký, nộp tiền đặt cọc tham gia đấu giá tài sản. Sau đó, T đưa bà L, con dâu bà L là chị Phạm Tuyết Quỳnh và chị Hoàn lên tầng 3 Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy để mua 02 bộ hồ sơ đấu giá 02 thửa đất số 32 và 33, tờ bản đồ số 4 thuộc phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tiếp đó, T bảo anh Vũ Viết T hướng dẫn cho chị Hoàn thủ tục đăng ký đấu giá. Bà L cùng chị Hoàn đã làm thủ tục nộp số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản 1507201066303 Ngân hàng Agribank của Công ty Đấu giá Hợp danh đấu giá Việt Nam. Sau đó, T nói với bà L đưa tiền

cho T để lo việc đấu giá. Bà L đưa thêm cho T số tiền 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)* tiền mặt, không viết giấy biên nhận.

Ngày 27/02/2022, tại nhà bà L, T có viết 01 giấy nhận tiền trích thưởng đấu giá đất Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm với nội dung T nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)* để giúp bà L trúng đấu giá thửa đất số 32, diện tích 150 m^2 thuộc phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm và viết địa chỉ chỗ ở hiện tại của T là tại ngõ 72, số nhà 8 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội *(thực tế T không ở địa chỉ này, T viết như vậy để trường hợp không giúp được bà L trúng đấu giá thì bà L không tìm được T).* Sau khi viết xong, bà L đưa thêm cho T 35.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng)* tiền mặt, vì trước đó bà L đã đưa cho T 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)*.

Ngày 28/02/2022, bà L gọi cho chị Hoàn và hẹn gặp chị Hoàn ở Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy để đóng tiếp số tiền 500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)* vào tài khoản của Công ty đấu giá để đặt cọc đấu giá thửa đất số 33. Khi đến Ngân hàng, chị Quỳnh nộp số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Đấu giá Việt Nam rồi chị Hoàn ký vào giấy nộp tiền. Sau đó, tại quán cà phê (không xác định địa điểm) ở gần Ngân hàng Agribank, T ký tên vào giấy nhận tiền do chị Hoàn viết với nội dung nếu không trúng đấu giá sẽ hoàn trả lại tiền. Do bận việc, bà L nhờ chị Quỳnh đưa cho T thêm số tiền 50.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)* tại khu vực trước Ngân hàng Agribank, chi nhánh Cầu Giấy để T giúp bà L việc đấu giá thành công. Trước khi phiên đấu giá diễn ra, bà L đã trao đổi với Lưu Kim T mức giá cao nhất bà L mua 2 mảnh đất trên là 11.600.000.000 đồng.

Sáng ngày 04/3/2022, T và chị Hoàn đến văn phòng giao dịch của Công ty Đấu giá Hợp danh Đấu giá Việt Nam tại địa chỉ số 4/A13 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để đấu giá 02 thửa đất 32, 33 tại Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. T dặn chị Hoàn trả giá bằng giá Ngân hàng và giá khởi điểm Công ty đấu giá đưa ra. Khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, nhân viên Công ty mời chị Hoàn vào phòng đấu giá tại tầng 2, T không được tham gia do không phải là người đấu giá. Tại buổi đấu giá, chị Hoàn không trúng đấu giá vì chỉ trả bằng giá khởi điểm là 5.571.000.000 đồng cho mỗi thửa đất như Lưu Kim T đã dặn trước đó. Ông Nguyễn Đình Nguyên *(Sinh năm: 1968; HKTT: Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội)* là người trúng đấu giá cả 2 thửa đất do là người trả giá cao nhất. Sau khi kết thúc phiên đấu giá, chị Hoàn thông báo với T không trúng đấu giá. T bảo chị Hoàn nói với bà L phiên đấu giá tạm hoãn để T có thời

gian tìm tài sản khác cho bà L. Sau đó, chị Hoàn và T đi về nhà bà L. Do sợ bà L đòi tiền nên T thông báo với bà L trong quá trình đấu giá có chủ đất đến gây rối nên phiên đấu giá tạm hoãn và sẽ đấu giá lại tài sản sau 25 ngày nữa. Khoảng 3 ngày sau, bà L gọi điện cho Công ty đấu giá để hỏi thông tin về phiên đấu giá ngày 04/3/2022 thì được thông báo phiên đấu giá diễn ra thành công và 02 thửa đất số 32 và 33 đã có chủ mới, chị Hoàn chỉ trả số tiền đấu giá theo giá khởi điểm do vậy không trúng đấu giá. Bà L gọi cho T thì T nói không đấu giá được 02 thửa đất trên thì T sẽ tìm 02 thửa đất khác cho bà L. Sau đó, do không tin tưởng T nữa nên bà L đòi T trả lại số tiền 110.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)* đã đưa cho T để lo việc đấu giá thành công. Ngày 28/3/2022, T đã chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)* và ngày 20/4/2022, T tiếp tục chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm triệu đồng)* đến tài khoản số 141106449 Ngân hàng VPBank của bà L để trả tiền. Sau đó, bà L vẫn gọi điện, nhắn tin và yêu cầu T trả nốt số tiền còn lại nhưng T đã chi tiêu cá nhân hết nên đưa ra các lý do để trì hoãn việc trả lại tiền cho bà L. Ngày 09/5/2022, bà L gửi đơn tố giác đến Cơ quan Công an. Ngày 10/01/2023, Lưu Kim T đến Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tổng số tiền mà Lưu Kim T lừa đảo chiếm đoạt của bà L là 110.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)*

Vật chứng tạm giữ của Lưu Kim T: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng, gắn sim: 0523486789; Bà Nguyễn Thị L giao nộp Cơ quan điều tra: 02 giấy nhận tiền trích thưởng đề ngày 27/02/2022 và 28/02/2022;

Tại Kết luận giám định số: 1848/KL-KTHS ngày 31/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *"Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lưu Kim T dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Lưu Kim T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng 01 người viết và ký ra."*

"Mẫu cần giám định:

- 01 (Một)"Giấy nhận tiền trích thưởng đấu giá đất liên mạc Quận bắc từ liêm hà nội", người làm đơn và nhận tiền: Lưu Kim T, người đưa tiền: Nguyễn Thị L, đề ngày 27/02/2022 (Ký hiệu A1).

- 01 (Một)"GIẤY NHẬN TIỀN TRÍCH THƯỞNG", người làm đơn: Lưu Kim T, người đưa tiền: Phạm Tuyết Quỳnh, đề ngày 28/02/2022. (Ký hiệu A2)"

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 16/01/2023, gia đình Lưu Kim T đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 75.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy mươi lăm triệu đồng).* Bà L đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu, đề nghị khác.

Theo Cáo trạng số: 115/CT-VKSNTL ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Lưu Kim T về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

"Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

Tại phiên tòa: Bị cáo Lưu Kim T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Luận tội của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Kim T, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Lưu Kim T về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho Bị hại, Bị hại đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước phương tiện, công cụ phạm tội tạm giữ của bị cáo T: 01 điện thoại Iphone 6S Plus; Lưu hồ sơ vụ án: 02 giấy nhận tiền trích thưởng đề ngày 27/02/2022 và 28/02/2022;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Lưu Kim T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Mặc dù Lưu Kim T không có chức năng trong việc đấu giá tài sản nhưng ngày 23/02/2022 tại nhà bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Phòng 1014/CT5-Đơn Nguyên 1, Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Lưu Kim T đã đưa ra các thông tin gian dối, hứa hẹn làm thủ tục thẩm định giá đất và "bôi trơn" các cơ quan chức năng để giúp bà L đấu giá thành công 02 thửa đất số 32 và 33, tờ bản đồ số 4 thuộc phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nhằm chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)* của bà L. Sau khi nhận số tiền 110.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)* của bà L, T đã không thực hiện công việc đã hứa với bà L mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo T đã khai nhận tội. Hậu quả đã được khắc phục. Bị hại là bà Nguyễn Thị L không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lưu Kim T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo Lưu Kim T về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu,

sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo T đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước phương tiện, công cụ phạm tội tạm giữ của bị cáo T: 01 điện thoại Iphone 6S Plus; Lưu hồ sơ vụ án: 02 giấy nhận tiền trích thưởng đề ngày 27/02/2022 và 28/02/2022;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, Bị hại, có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Kim T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Lưu Kim T 30 *(Ba mươi)* **tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại Iphone 6S Plus *(Có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng số 172 ngày 27/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đại Thanh *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám*

đốc) số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);*

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 13.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường Việt Nam *(Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vam phá khóa và 01 thẻ gửi xe *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Buộc bị cáo T phải truy nộp: 14.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng);* Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bị cáo Việt phải truy nộp: 4.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);* Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);* Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng),* nộp ngân sách Nhà Nước.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, T, Phong, Việt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.